Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8540.81.00

Mã HS	8540.81.00
Mô tả hàng hóa	Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình) / - Đèn điện tử và ống điện tử khác: / - - Đèn điện tử và ống điện tử của máy thu hoặc máy khuếch đại
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 14:44:47
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/85408100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15969
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15969
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15969
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15312
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15241
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15241
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15241
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15241
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15241
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15241
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15297
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15297
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15297
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15297

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15297
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15297
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15298
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15298
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15298
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15298
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15298
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15298
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15299
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15247
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15255
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15255
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15255
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15255
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15255
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15255
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15295
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15295
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15295
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15295
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15295
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15295
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15357
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15357
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15357
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15357

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15357
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15357
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15331
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15331
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15331
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15331
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15331
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15331
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15334
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15334
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15334
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15334
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15334
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15334
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15340
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15340
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15340
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15340
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15340
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15340
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15339
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15339
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15339
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15339
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15339
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15339

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15328
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15328
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15328
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15328
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15328
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15328
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15328
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15322
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15322
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15322
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15322
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15322
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15322
RCEP B	2022	2022	0	B!D15322
RCEP B	2023	2023	0	B!E15322
RCEP B	2024	2024	0	B!F15322
RCEP B	2025	2025	0	B!G15322
RCEP B	2026	2026	0	B!H15322
RCEP B	2027	2027	0	B!I15322
RCEP C	2022	2022	0	C!D15322
RCEP C	2023	2023	0	C!E15322
RCEP C	2024	2024	0	C!F15322
RCEP C	2025	2025	0	C!G15322
RCEP C	2026	2026	0	C!H15322
RCEP C	2027	2027	0	C!I15322
RCEP D	2022	2022	0	D!D15321

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15321
RCEP D	2024	2024	0	D!F15321
RCEP D	2025	2025	0	D!G15321
RCEP D	2026	2026	0	D!H15321
RCEP D	2027	2027	0	D!I15321
RCEP E	2022	2022	0	E!D15325
RCEP E	2023	2023	0	E!E15325
RCEP E	2024	2024	0	E!F15325
RCEP E	2025	2025	0	E!G15325
RCEP E	2026	2026	0	E!H15325
RCEP E	2027	2027	0	E!I15325
RCEP F	2022	2022	0	F!D15322
RCEP F	2023	2023	0	F!E15322
RCEP F	2024	2024	0	F!F15322
RCEP F	2025	2025	0	F!G15322
RCEP F	2026	2026	0	F!H15322
RCEP F	2027	2027	0	F!I15322
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14290
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14290
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14290
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14290

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)		11/2018/TT-BTTTT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8540.81.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8540.81.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15969), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SP CNTT ĐQSD cấm NK (11/2018/TT-BTTTT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.